|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành**

**Luật Dữ liệu**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công nhiệm cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Dữ liệu, Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu theo trình tự, thủ tục rút gọn; Bộ Công an báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Ngày 30/11/2024, kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Dữ liệu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Luật Dữ liệu giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung để bảo đảm cho công tác tổ chức thực hiện, cụ thể như sau: Khoản 3 Điều 13 về phân loại dữ liệu; Khoản 5 Điều 14 về hoạt động lưu trữ dữ liệu; Khoản 5 Điều 15 về Quản trị, quản lý dữ liệu; Khoản 3 Điều 16 về Truy cập, truy xuất dữ liệu; Khoản 4 Điều 17 về kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu; Khoản 4 Điều 18 về Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước; Khoản 3 Điều 20 về Xác nhận, xác thực dữ liệu; Khoản 5 Điều 21 về Công khai dữ liệu; Khoản 5 Điều 22 về mã hóa, giải mã dữ liệu; Khoản 4 Điều 23 về chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới; Khoản 5 Điều 25 về Xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu; Khoản 4 Điều 26 về các hoạt động khác trong xử lý dữ liệu; Khoản 4 Điều 27 về bảo vệ dữ liệu; Khoản 3 Điều 30 về Cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia; Khoản 8 Điều 31 về Trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia; Khoản 5 Điều 35 về Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Khoản 4 Điều 36 về Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Khoản 3 Điều 37 về Cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

- Công văn số 7455-CV/VPTW ngày 31/7/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, theo đó Bộ Chính trị đồng ý chủ trương xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia và giao Đảng đoàn Quốc hội phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo thẩm quyền.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp: “Khuyến khích đầu tư, phát triển xây dựng các trung tâm dữ liệu lớn; đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu lớn nhằm tạo ra các sản phẩm, tri thức mới”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất”.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Ở nước ta, quán triệt, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, nhất là những vấn đề liên quan đến xây dựng, tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu đã đạt được một số kết quả tích cực như: Bước đầu khởi tạo và hình thành được 07 cơ sở dữ liệu quốc gia; một số cơ sở dữ liệu quốc gia đã có sự kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu góp phần cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân; hạ tầng công nghệ xây dựng các trung tâm dữ liệu bước đầu được quan tâm đầu tư hơn...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như: (1) Một số bộ, ngành không có hoặc có nhưng chưa đầy đủ hạ tầng để triển khai các hệ thống công nghệ thông tin cốt lõi phục vụ cho các công tác nghiệp vụ; (2) Nhiều cơ sở dữ liệu được thu thập, lưu trữ trùng lặp, chồng chéo, chưa thống nhất về danh mục dữ liệu dùng chung gây khó khăn khi kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; (3) Các trung tâm dữ liệu đầu tư thiếu đồng bộ, không đồng nhất về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, nâng cấp dẫn đến nguy cơ không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống; (4) Một số bộ, ngành, địa phương thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin tiềm ẩn nhiều rủi ro về an ninh an toàn thông tin do chưa thực sự quản lý, kiểm soát được dữ liệu nhà nước trên hạ tầng của doanh nghiệp; (5) Nhân lực vận hành, quản trị các hệ thống thông tin vừa thiếu, vừa yếu; (6) Các cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ chưa được xây dựng đầy đủ; (7) Nhiều hệ thống thông tin còn lỗ hổng bảo mật, không đủ điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (8) Khó khăn trong việc khai thác, liên thông, cung cấp kịp thời dữ liệu để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công liên thông, phân tích thống kê, đưa ra các chỉ tiêu, chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ.

Hiện nay trên cơ sở các quy định pháp luật và khảo sát thực tiễn của Bộ Công an các bộ ngành, địa phương đã triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, trong đó có 07 cơ sở dữ liệu quốc gia, gần 100 cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia đã xác định đến Quý IV năm 2025 Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ đi vào hoạt động, là nơi lưu trữ, tổng hợp, phân tích, điều phối dữ liệu, cung cấp hạ tầng cho các bộ, ngành, địa phương.

Vì vậy, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều Luật Dữ liệu là rất cần thiết, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, quy định của Luật Dữ liệu và bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

a) Nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu số; Trung tâm dữ liệu quốc gia; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; quản lý nhà nước về dữ liệu số; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu số tạo sự thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và phục vụ phát triển Chính phủ số và cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính, phát triển kinh tế - xã hội.

b) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, đáp ứng chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số của Đảng, Nhà nước và yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới. Thể chế hóa, hoàn thiện hành lang pháp luật để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

a) Đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số;

b) Thể chế hóa kịp thời các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển và khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phù hợp tình hình kinh tế, xã hội và hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân ở Việt Nam;

c) Việc xây dựng dự thảo Nghị định được tiến hành trên cơ sở thực tiễn; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật;

d) Đảm bảo tính khả thi của các quy định; đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. Xây dựng, hoàn thiện nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.

2. Đăng Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; gửi xin ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Công an các đơn vị, địa phương đối với dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định (Công văn số .…/BCA-C06 ngày …/…/2025).

3. Tổ chức hội thảo với một số đơn vị cấp Cục thuộc các Bộ, ngành, tổ chức có liên quan để lấy ý kiên tham gia đối với nội dung dự thảo Nghị định. Căn cứ nội dung thống nhất tại hội thảo, Bộ Công an đã tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia, tu chỉnh lại dự thảo và có văn bản đề nghị các đơn vị cho ý kiến tham gia đối với nội dung dự thảo Nghị định.

4. Tổng hợp các ý kiến tham gia và xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia.

5. Chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định và gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

6. Xây dựng Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và trình Chính phủ xem xét ban hành.

**IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về bố cục của Nghị định**

Bao gồm 05 Chương với 30 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I quy định chung gồm 02 điều (từ Điều 1 đến Điều 2) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- Chương II về các hoạt động xử lý dữ liệu gồm 10 điều (từ Điều 3 đến Điều 12) quy định về tiêu chí xác định dữ liệu quan trọng; tiêu chí xác định dữ liệu cốt lõi; hoạt động lưu trữ dữ liệu; truy cập, truy xuất dữ liệu; hỗ trợ chủ sở hữu dữ liệu thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước; cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước; xác nhận, xác thực dữ liệu; công khai dữ liệu; mã hoá, giải mã dữ liệu; chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới; các hoạt động khác trong xử lý dữ liệu.

- Chương III về quản trị, quản lý, bảo vệ dữ liệu gồm 03 điều (từ Điều 14 đến Điều 16) quy định về quản trị, quản lý dữ liệu; xác định quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu; bảo vệ dữ liệu.

- Chương IV về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm 06 điều (từ Điều 17 đến Điều 22) quy định về cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm nguồn lực, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

- Chương V về điều khoản thi hành gồm 9 điều (từ điều 23 đến điều 31) quy định về hiệu lực thi hành; trách nhiệm của Bộ Công an, trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ; trách nhiệm của Bộ Nội vụ; trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ; trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

2.1. Về quy định chung:

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định chi tiết Điều 17, khoản 4 Điều 18, khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22, khoản 4 Điều 23, khoản 5 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27, khoản 3 Điều 30, khoản 8 Điều 31, khoản 5 Điều 35, khoản 4 Điều 36, khoản 3 Điều 37 của Luật Dữ liệu và việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; việc bảo đảm nguồn lực cho hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

- Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dữ liệu số tại Việt Nam.

2.2. Về các hoạt động xử lý dữ liệu: tiêu chí phân loại dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng; hoạt động lưu trữ dữ liệu; truy cập, truy xuất dữ liệu; hỗ trợ chủ sở hữu dữ liệu thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước; cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước; xác nhận, xác thực dữ liệu; công khai dữ liệu; mã hoá, giải mã dữ liệu; chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới/chuyển dữ liệu ra nước ngoài; các hoạt động khác trong xử lý dữ liệu.

2.3. Về quản trị, quản lý, bảo vệ dữ liệu: quản trị, quản lý dữ liệu; xác định quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu; bảo vệ dữ liệu.

2.4. Về Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia: cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm nguồn lực, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

2.5. Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân: Quy định cụ thể về trách nhiệm xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; xây dựng và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ, Ban Cơ yếu Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**V. NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Công an để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định. Đồng thời, Bộ Công an đã có Công văn số …./BCA-C06 ngày …/…/2025 gửi đến các bộ, ngành, địa phương để lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Công an đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

**VI. NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

**1. Những nội dung tiếp thu**

**2. Những nội dung giải trình**

*(Nội dung này sẽ được bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu, Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);  - Lưu: VT, C06 (TTDLDC). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Trung tướng Nguyễn Văn Long** |
|  |  |